

Chương VII

SỰ TIẾN HOÁ CỦA ĐỘNG VẬT

Bài 53 MÔI TRƯỜNG SỐNG VÀ SỰ VẬN ĐỘNG, DI CHUYỂN

I – MỤC TIÊU

- Nêu được tầm quan trọng của sự vận động và di chuyển ở động vật.
- Nêu được các hình thức di chuyển ở một số loài động vật điển hình.
- Nêu được sự tiến hoá cơ quan di chuyển.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG

- Một số thông tin về vận tốc di chuyển ở động vật :

Vận tốc chạy trong 1 giờ ở cự li 1500m và vận tốc chạy ở cự li 40km (viết trong ngoặc) :

Linh dương 80km, (40km) ; Ngựa 60km, (40km), Lạc đà 41km, (18km), Người 25km, (19km).

– Chạy tốc lực trong 1 giờ : Báo hepa 112 km, Linh dương 100km, Đà điểu 80km, Hươu 78km ; Ngựa 77 km ; Thủ hoang 74km ; Lợn lòi 48km ; Lạc đà 41km ; Người 40km ; Chuột chũi 4km ; Rùa 2km.

III – PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

Tranh : Tranh các hình trong bài hoặc có liên quan (môi trường sống và sự vận động di chuyển).

Các phương tiện khác : Bảng hình về sự di chuyển và vận động của động vật, nếu có.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. **Gợi ý lời giới thiệu :** Có thể đi thẳng vào phần thông báo của bài học.

2. Các hoạt động

– **Hoạt động 1 : Nêu những hình thức di chuyển**

Cách thực hiện : HS tự đọc phần thông báo ở mục I – Các hình thức di chuyển, quan sát hình 53.1, thực hiện hoạt động theo ví dụ gà lôi, rồi thực hiện đổi với những đối tượng khác.

Đáp án hoạt động dựa theo bảng 53.1 SGV.

Bảng 53.1 SGV. Các hình thức di chuyển ở động vật

| Đại diện | Các hình thức di chuyển ở động vật | | | | | |
|--------------|------------------------------------|-------------|---------------------------------|-----|-----|---|
| | Bò | Đi, chạy | Nhảy bằng hai chân sau | Bơi | Bay | Leo trèo chuyển cành bằng cách cầm nắm |
| 1. Vịt trời | | + | | + | + | |
| 2. Châu chấu | + | | + | | + | |
| 3. Gà lôi | | + | | | + | |
| 4. Vượn | | + | | | | + |
| 5. Hươu | | + | | | | |
| 6. Cá chép | | | | + | | |
| 7. Giun đất | + | | | | | |
| 8. Dơi | | | | | + | |
| 9. Kanguru | | | + | | | |

Qua đáp án, HS có thể nêu những đại diện nào có bao nhiêu hình thức di chuyển và là những hình thức nào. Vai trò của những hình thức di chuyển này trong đời sống của chúng.

- Hoạt động 2: Sự tiến hoá cơ quan di chuyển ở động vật

Cách thực hiện :

Học sinh tự đọc phần thông báo ở mục II – Sự tiến hoá cơ quan di chuyển, quan sát hình 53.2, phân tích các chủ thích kết hợp với quan sát hình rồi điền bảng.

Đáp án bảng. **Sự phức tạp hoá và phân hoá cơ quan di chuyển ở động vật**

| Đặc điểm cơ quan di chuyển | Tên động vật | |
|---|---------------------------------|-------------------|
| Chưa có cơ quan di chuyển, có đời sống bám, sống cố định | Hải quỳ, san hô | |
| Chưa có cơ quan di chuyển, di chuyển chậm kiệu sâu do | Thuỷ tucus | |
| Cơ quan di chuyển còn rất đơn giản (mẫu lồi cơ và tơ bơi) | Rươi | |
| Cơ quan di chuyển đã phân hoá thành chi phân đốt | Rết | |
| Bộ phận di chuyển đã phân hoá thành các chi có cấu tạo và chức năng khác nhau | 5 đôi chân bò và 5 đôi chân bơi | Tôm sông |
| | 2 đôi chân đi, 1 đôi chân nhảy | Châu chấu |
| | Vây bơi với các tia vây | Cá chép, cá trích |
| | Chi năm ngón có màng bơi | Ếch, cá sấu |
| | Cánh được cấu tạo bằng lông vũ | Hải âu |
| | Cánh được cấu tạo bằng màng da | Dơi |
| | Bàn tay, bàn chân cầm nắm | Vượn |

Đáp án của bảng nêu được sự tiến hoá của cơ quan di chuyển ở động vật từ chỗ chưa có cơ quan di chuyển ở động vật sống bám vào một nơi (hải quỳ san hô) hoặc di chuyển bằng hình thức rất đơn giản kém hiệu quả, di chuyển chậm kiệu sâu do (thuỷ tucus); đến có cơ quan di chuyển còn rất đơn giản như mẫu lồi cơ, tơ bơi (rươi); phân hoá thành chi phân đốt (rết), cuối cùng bộ phận di chuyển đã phân hoá thành các chi có cấu tạo và chức năng rất khác nhau, thích nghi với nhiều hình thức di chuyển trên các môi trường khác nhau như đáp án của hoạt động 2.

V – KẾT LUẬN

GV hướng dẫn cả lớp thảo luận tham gia tóm tắt bài bằng những câu hỏi sau :

1. Bộ phận di chuyển ở động vật đã tiến hóa như thế nào ?
2. Hãy nêu một vài ví dụ để minh họa

VI – ĐÁP ÁN CÂU HỎI CUỐI BÀI

Câu 1 :

1. Những đại diện có 3 hình thức di chuyển :
Vịt trời (đi, chạy, bơi, bay) ; Châu chấu (đi, nhảy, bay)
2. Những đại diện có 2 hình thức di chuyển :
Gà lôi (đi, chạy, bay) ; Vượn (leo trèo, đi)
3. Những đại diện có 1 hình thức di chuyển :
Hươu (đi, chạy) ; Cá chép (bơi) ; Giun đất (bò) ; Dơi (bay) ; Kanguru (nhảy).

Câu 2 : Sự phức tạp hoá hệ vận động, di chuyển tạo điều kiện cho con vật có nhiều hình thức di chuyển hơn (vịt trời, châu chấu) và ở từng cơ quan vận động, các động tác đa dạng hơn thích nghi với điều kiện sống của loài (bàn tay khỉ thích nghi với sự cầm nắm, leo trèo).

VII – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : Phần 1, 2, 3 ; Phần 2 : 2, 3, 7, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 18, 21, 22 SGV.